

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02-7-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Trường Chinh

2. Bà Đoàn Thị Kim Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2020/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hà Tấn T; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Chị Võ Thị Thu T1; địa chỉ: Thôn P, xã Đ1, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (chỗ ở hiện nay: đường X, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh).

Anh T có mặt; chị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-02-2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 18-02-2020 và các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hà Tấn T trình bày:

Anh và chị Võ Thị Thu T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 06-3-2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì chị T1 có quan hệ tình cảm với người khác, anh đã nhiều lần

khuyến bảo nhưng chị T1 không thay đổi. Hiện nay chị T1 đã bỏ nhà đi chung sống với người khác nên giữa anh và chị T1 không còn tình cảm và không thể chung sống với nhau. Do vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Võ Thị Thu T1.

Về con chung: Anh và chị Võ Thị Thu T1 có 01 con chung là Hà Vũ Gia H, sinh ngày 05-6-2012. Hiện nay cháu H đang sống với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 06-6-2020, bị đơn chị Võ Thị Thu T1 trình bày:

Hiện nay do công việc của chị quá bận rộn nên không trực tiếp tham gia phiên tòa được, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; chị và anh Hà Tấn T không có tài sản chung; về con chung: Chị đồng ý giao con cho anh T nuôi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Tấn T. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Tấn T được ly hôn chị Võ Thị Thu T1; về con chung: Giao cháu Hà Vũ Gia H, sinh ngày 05-6-2012 cho anh Hà Tấn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh T không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng cho con. Anh Hà Tấn T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm anh Hà Tấn T khởi kiện thì chị Võ Thị Thu T1 đang cư trú tại thôn P, xã Đ1, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Tấn T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hà Tấn T có mặt; bị đơn chị Võ Thị Thu T1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Hà Tấn T và chị Võ Thị Thu T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 06-3-2012 và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh Hà Tấn T và chị Võ Thị Thu T1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Hà Tấn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hà Tấn T cho rằng năm 2015 thì chị T1 có quan hệ ngoại tình, anh đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị T1 không thay đổi. Từ năm 2015 đến nay chị T1 đã bỏ nhà đi chung sống với người khác, giữa anh và chị T1 không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Võ Thị Thu T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng anh T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn; chị Võ Thị Thu T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh T, không đến Tòa án để tham gia hòa giải. Do đó, có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh Hà Tấn T và chị Võ Thị Thu T1 đã trầm trọng; vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân trong một thời gian dài, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, anh Hà Tấn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị Võ Thị Thu T1 là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung:

Căn cứ vào trình bày của nguyên đơn anh Hà Tấn T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định anh Hà Tấn T và chị Võ Thị Thu T1 có 01 con chung là cháu Hà Vũ Gia H, sinh ngày 05-6-2012 (hiện đang sống cùng với anh T).

Xét yêu cầu về nuôi con của anh Hà Tấn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu H đang sống cùng với anh T, được anh T nuôi dưỡng, chăm sóc và phát triển bình thường. Ngoài ra, tại bản tự khai ngày 12-6-2020, cháu H cũng trình bày có nguyện vọng được sống với anh T. Mặt khác, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 06-6-2020, chị Võ Thị Thu T1 cũng đồng ý giao con cho anh T nuôi. Do đó, để ổn định cuộc sống và các quyền lợi về mọi mặt của cháu Hà Vũ Gia H, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Hà Vũ Gia H cho anh Hà Tấn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Hà Tấn T là người được giao trực tiếp nuôi con không yêu cầu chị Võ Thị Thu T1 phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Anh Hà Tấn T và chị Võ Thị Thu T1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Anh Hà Tấn T trình bày không có; chị Võ Thị Thu T1 không có ý kiến trình bày về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Hà Tấn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí anh T phải chịu.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của anh Hà Tấn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Tấn T được ly hôn chị Võ Thị Thu T1.

2. Về con chung: Anh Hà Tấn T và chị Võ Thị Thu T1 có 01 con chung là cháu Hà Vũ Gia H, sinh ngày 05-6-2012. Giao cháu Hà Vũ Gia H cho anh Hà Tấn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Anh Hà Tấn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Anh Hà Tấn T và chị Võ Thị Thu T1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Anh Hà Tấn T trình bày không có; chị Võ Thị Thu T1 không có ý kiến trình bày về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Anh Hà Tấn T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002553 ngày 26-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí anh T phải chịu.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Hà Tấn T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn chị Võ Thị Thu T1 không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong